

Số: 29 /KH-MNTTCC2

Củ Chi ngày 08 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thu chi các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động
giáo dục và các khoản thu thỏa thuận
Năm học 2021 - 2022

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

Văn bản hợp nhất số 01/2021/01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

Văn bản số 344/SGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 2 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học 2021-2022.

Căn cứ Công văn số 8658/UBND-GDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2021 – 2022 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện.

Căn cứ Công văn số 170/GDĐT ngày 22 tháng 02 năm 2022 về triển khai tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ trẻ và tình hình thực tế của Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2.

II. KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN NĂM HỌC 2021-2022

Thực hiện theo kế hoạch thu chi, không vượt mức thu; trên quan điểm không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện thu đủ bù chi. Đến cuối năm học, phần chênh lệch thu chi còn dư các cơ sở giáo dục phải trả lại cho cha mẹ học sinh, không để tồn quỹ phần thu nhập chênh lệch này.

A. Thu hộ chi hộ:

1. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền ăn của trẻ học bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

- Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.
- Dự tính số trẻ thu tiền ăn bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu chi

*** Kế hoạch thu:**

- Hội đồng cha mẹ trẻ trong toàn trường, hội đồng ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

- Mức thu dự kiến: Tiền ăn/ngày: 30.000 đồng / ngày x số ngày thực tế học.
 $30.000đ \times 22 \text{ ngày} \times 9 \text{ tháng} \times 538 \text{ trẻ} = 3.195.720.000đ$

*** Kế hoạch chi**

Chi mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu cho trẻ ăn trong 01 ngày bao gồm bữa chính và bữa phụ. Chi phí vật liệu, nhiên liệu, vật tư phục vụ cho 01 ngày ăn: gas, sữa cho trẻ.

Khi trẻ nghỉ trường sẽ hoàn tiền lại cho trẻ.

2. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền ăn sáng của trẻ học bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

- Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.
- Dự tính số trẻ thu tiền ăn bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu chi

*** Kế hoạch thu:**

- Hội đồng cha mẹ trẻ trong toàn trường, hội đồng ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

- Mức thu dự kiến:

+ Tiền ăn sáng/ngày: 7.000 đồng / ngày x số ngày thực tế học:
 $7.000đ \times 22 \text{ ngày} \times 9 \text{ tháng} \times 538 \text{ trẻ} = 745.668.000đ$

+ Tiền phục vụ ăn sáng: 3.000 đồng / ngày x số ngày thực tế học:
 $3.000đ \times 22 \text{ ngày} \times 9 \text{ tháng} \times 538 \text{ trẻ} = 319.572.000đ$

*** Kế hoạch chi**

Chi mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu cho trẻ ăn trong 01 ngày bao gồm bữa chính và bữa phụ. Chi phí vật liệu, nhiên liệu, vật tư phục vụ cho 01 bữa ăn sáng: gas, sữa cho trẻ.

Khi trẻ nghỉ trường sẽ hoàn tiền lại cho trẻ.

3. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền nước uống của trẻ học bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

- Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.
- Dự tính số trẻ thu tiền ăn bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu chi

*** Kế hoạch thu:**

- Hội đồng cha mẹ trẻ trong toàn trường, hội đồng ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

- Mức thu dự kiến:

+ Tiền nước uống/tháng: 15.000 đồng / tháng: $15.000đ \times 9 \text{ tháng} \times 538 \text{ trẻ} = 72.630.000đ$

* Kế hoạch chi: Chi mua nước cho trẻ uống.

4. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền học phẩm của trẻ học bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

- Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

- Dự tính số trẻ thu tiền ăn bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu chi

* Kế hoạch thu:

- Hội cha mẹ trẻ trong toàn trường, hội ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

- Mức thu dự kiến:

+ Tiền học phẩm khối Nhà trẻ: 80.000đ/năm/trẻ:

$80.000đ \times 155 \text{ trẻ} = 12.400.000đ$

+ Tiền học phẩm khối Mầm: 186.000đ/năm/trẻ :

$186.000đ \times 91 \text{ trẻ} = 16.926.000đ$

+ Tiền học phẩm khối Chồi: 189.000đ/năm/trẻ:

$189.000đ \times 142 \text{ trẻ} = 26.838.000đ$

+ Tiền học phẩm khối Lá: 272.000đ/năm/trẻ:

$272.000đ \times 150 \text{ trẻ} = 40.800.000đ$

* Kế hoạch chi: Chi mua đồ dùng học phẩm, học cụ cho trẻ.

5. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền bảo hiểm tai nạn của trẻ học bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

- Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

- Dự tính số trẻ thu tiền ăn bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu chi

* Kế hoạch thu:

- Hội cha mẹ trẻ trong toàn trường, hội ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

- Mức thu dự kiến:

+ Tiền BHTN: 20.000đ/năm/trẻ: $20.000đ \times 538 \text{ trẻ} = 10.760.000đ$

* Kế hoạch chi: Chi đóng BHTN cho trẻ.

B. Thu thỏa thuận:

1. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền thiết bị bán trú

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ phải đóng kinh phí phục vụ đồ dùng bán trú: 538 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi đồ dùng bán trú

* Kế hoạch thu

Hội cha mẹ học sinh trong toàn trường, hội ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: 100.000/ trẻ/ năm học:

$$- 100.000đ \times 538 = 53.800.000đ$$

* Kế hoạch chi

- Chi mua sắm, sửa chữa thay thế các đồ dùng phục vụ công tác bán trú, mua đồ dùng vật dụng mau hỏng theo từng năm học. Khoản thu này chỉ phục vụ cho công tác đồ dùng bán trú, không chi cho các khoản thanh toán cho cá nhân và phúc lợi tập thể, nộp thuế (nếu có).

- Đồ dùng cá nhân: Phục vụ trực tiếp cho trẻ.

- Đồ dùng phục vụ chung: Mua mới, mua bổ sung và sửa chữa, thay thế cho đồ dùng còn thiếu hoặc hư hỏng.

2. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền vệ sinh phí

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ phải đóng kinh phí mua đồ dùng vệ sinh bán trú: 538 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi đồ dùng vệ sinh bán trú

* Kế hoạch thu

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: 30.000/ trẻ/ tháng:

$$- 30.000đ \times 538 \times 9 \text{ tháng} = 145.260.000đ$$

* Kế hoạch chi

- Chi mua đồ dùng vệ sinh phục vụ công tác bán trú. Khoản thu này chỉ phục vụ cho công tác mua đồ dùng vệ sinh bán trú, không chi cho các khoản thanh toán cho cá nhân và phúc lợi tập thể, nộp thuế (nếu có).

- Đồ dùng cá nhân: Phục vụ trực tiếp cho trẻ.

- Đồ dùng phục vụ chung: Mua nước lau sàn, nước rửa tay,....

3. Dự kiến kế hoạch thu, chi tiền chăm sóc bán trú:

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ chăm sóc bán trú: 538trẻ

b) Kế hoạch thu, chi

* Kế hoạch thu

Dự kiến số lượng HS thu trong năm học 2021-2022: 538 trẻ

$$\text{Mức thu dự kiến: } 538 \text{ trẻ} \times 150.000đ/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 726.300.000đ$$

* Kế hoạch chi

- 80%/tổng thu: 581.040.000đ chi tiền chăm sóc bán cho CB-GV-CNV

- 20%/tổng thu: 145.260.000đ chi:

$$+ \text{Tiền công thuê người lao động phụ bếp: } 4.420.000đ/\text{người/tháng: } 01 \text{ người} \times 9 \text{ tháng} \times 4.420.000đ = 39.780.000đ \text{ (3)}$$

$$\text{Các khoản nhà trường (người sử dụng lao động) phải nộp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (23,5%): } 39.780.000đ \times 23,5\% = 9.348.300đ \text{ (4)}$$

$$\text{Tổng chi phí thuê mướn nhân viên phụ bếp 01 năm học(3)+(4) = } 39.780.000đ + 9.348.300đ = 49.128.300đ \text{ (9 tháng)}$$

+ Chi hỗ trợ mua văn phòng phẩm, tiền điện, mua đồ dùng bán trú phục vụ cho trẻ.

+ Chi hỗ trợ sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất.

4. Dự kiến kế hoạch thu, chi học tiếng Anh với giáo viên là người bản ngữ

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ học tiếng Anh với giáo viên là người bản ngữ: 383 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi học tiếng Anh với giáo viên là người bản ngữ

*** Kế hoạch chi**

- 80% tổng thu chi trả thù lao cho giáo viên(giáo viên trực tiếp và gián tiếp).

- 20% tổng thu còn lại: nộp thuế (nếu có), trích khấu hao theo quy định, điện nước, giáo viên hỗ trợ, quản lý, phục vụ...

*** Kế hoạch thu**

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: $40.000/ 1 \text{ tiết} \times 10 \text{ tiết/ tháng} = 400.000 \text{ đồng/ tháng}$

(Bảng chi tiết thuyết minh đính kèm)

5. Dự kiến kế hoạch thu, chi học 10 môn phối hợp vận động

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ 10 môn phối hợp vận động: 383 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi học 10 môn phối hợp vận động

*** Kế hoạch chi**

- 80% tổng thu chi trả thù lao cho giáo viên(giáo viên trực tiếp và gián tiếp).

- 20% tổng thu còn lại: nộp thuế (nếu có), trích khấu hao theo quy định, điện nước, giáo viên hỗ trợ, quản lý, phục vụ...

*** Kế hoạch thu**

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: $54.500/ 1 \text{ tiết} \times 8 \text{ tiết/ tháng} = 436.000 \text{ đồng/ tháng}$

(Bảng chi tiết thuyết minh đính kèm)

6. Dự kiến kế hoạch thu, chi học năng khiếu ((Thể dục nhịp điệu (Aerobic))

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ học năng khiếu: 383 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi học năng khiếu

*** Kế hoạch chi**

- 80% tổng thu chi trả thù lao cho giáo viên(giáo viên trực tiếp và gián tiếp).

- 20% tổng thu còn lại: nộp thuế (nếu có), trích khấu hao theo quy định, điện nước, giáo viên hỗ trợ, quản lý, phục vụ...

*** Kế hoạch thu**

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: $6.000/ 1 \text{ tiết} \times 10 \text{ tiết/ tháng} = 60.000 \text{ đồng/ tháng}$

(Bảng chi tiết thuyết minh đính kèm)

7. Dự kiến kế hoạch thu, chi hoạt động trải nghiệm

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ trải nghiệm: 383 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi trải nghiệm:

*** Kế hoạch chi**

- 80% tổng thu chi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

- 20% tổng thu còn lại: nộp thuế (nếu có), trích khấu hao theo quy định, điện nước, giáo viên hỗ trợ, quản lý, phục vụ...

*** Kế hoạch thu**

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến: $130.000 / 1 \text{ lần} \times 1 \text{ lần / tháng} = 130.000 \text{ đồng / tháng}$

(Bảng chi tiết thuyết minh đính kèm)

8. Dự kiến kế hoạch thu, chi cơ sở vật chất

a) Cơ sở thực tiễn

Tổng số lớp năm học 2021-2022 là 20 nhóm lớp; tổng số trẻ toàn trường là 538 trẻ.

Dự tính số trẻ thu quỹ cơ sở vật chất: 383 trẻ

b) Kế hoạch thu, chi cơ sở vật chất

*** Kế hoạch chi**

- Chi mua sắm đồ dùng chuyên môn, đồ dùng dạy học phục vụ cho trẻ

- Mua đồ chơi ngoài trời

- Chi sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất

*** Kế hoạch thu**

Họp cha mẹ học sinh trong toàn trường, họp ban đại diện cha mẹ trẻ các lớp, gửi văn bản xin ý kiến phụ huynh về mức thu.

Mức thu dự kiến:

Mâm: $250.000 \text{đ/hs/tháng} \times 91 \text{hs}$

Chôi: $200.000 \text{đ/hs/tháng} \times 142 \text{hs}$

Lá: $150.000 \text{đ/hs/tháng} \times 150 \text{hs}$

(Bảng chi tiết thuyết minh đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN TRONG NHÀ TRƯỜNG

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục nêu trên không vượt quá quy định về các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với hoạt động dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Củ Chi theo hướng dẫn: Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học 2021-2022; Công văn số 8658/UBND-GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về hướng dẫn

thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2021 – 2022 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện; Công văn số 170/GDDT ngày 22 tháng 02 năm 2022 về triển khai tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU, CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN TRONG NHÀ TRƯỜNG

Được sự thống nhất, thỏa thuận của cha mẹ trẻ. Trường thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Niêm yết, phổ biến các khoản thu được phép thu nêu trên để trẻ, gia đình trẻ thực hiện và giám sát và theo quy định về cơ chế công khai.

Hạch toán các khoản thu, chi nêu trên vào hệ thống sổ sách kế toán theo quy định hiện hành và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Trên đây là kế hoạch thu chi các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu thỏa thuận năm học 2021– 2022 của Trường mầm non Thị trấn Củ Chi 2./.

Nơi nhận:

- Chi bộ trường;
- GVCN 20 nhóm lớp;
- Ban TTND trường;
- Ban ĐDCMHS trường, lớp;
- CM trẻ của trường;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diễm

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI
NGUỒN: GIẢNG DẠY MÔN ANH VĂN

NỘI DUNG	NĂM HỌC 2021-2022		GHI CHÚ
	Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I. DỰ TOÁN THU: (Số hs x mức thu x số tháng)	1.378.800.000	100	
- Số học sinh: 383 học sinh			
- Mức thu: 400.000 đ/học sinh/tháng			
II. DỰ TOÁN CHI:	1.378.800.000	100	
2.1 Hoạt động 1: Chi thù lao hoạt động giảng dạy (80%)	1.103.040.000	80	
- Chi trả thù lao giảng dạy cho môn anh văn (400.000 đ x 383 hs x 9 tháng x 80%)	1.103.040.000		
2.2 Hoạt động 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí trường tiên tiến (20%)	275.760.000	20	
- Chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giảng dạy (5%)	68.940.000	5	
+ Chi cho công tác quản lý (18 %)	12.409.200		
+ Chi cho bộ phận trực tiếp hỗ trợ giảng dạy (72%)	50.326.200		
+ Chi cho bộ phận gián tiếp (10%)	6.204.600		
- Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên khác (15%)	206.820.000	15	
+ Hỗ trợ điện nước (2.000.000 đ/tháng x 9 tháng)	3.000.000		
+ Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ (2,500.000 đ x 9 tháng)	4.560.000		
+ Đồ dùng dạy học , đồ chơi (3.000.000 đ x 9 tháng)	27.000.000		
+ In ấn tài liệu (500.000 đ x 9 tháng)	4.500.000		
+ Đào tạo , bồi dưỡng cho CB,GV,nhân viên theo mô hình trường tiên tiến	7.020.000		
+ Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất đáp ứng mô hình trường tiên tiến	1.620.000		
+ Thuê mướn bảo mẫu phục vụ mô hình trường tiên tiến (4.420.000 đ x 9 tháng x 4 người)	159.120.000		
2.3 Hoạt động 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	0	0	
2.4 Hoạt động 4: Chi khác (Kinh phí dự phòng và các khoản phát sinh khác)	0	0	

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Diễm

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI
NGUỒN: GIẢNG DẠY 10 MÔN VẬN ĐỘNG PHỐI HỢP

NỘI DUNG	NĂM HỌC 2021-2022		GHI CHÚ
	Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I. DỰ TOÁN THU: (Số hs x mức thu x số tháng)	1.502.892.000	97	
- Số học sinh: 383 học sinh			
- Mức thu: 436.000 đ/học sinh/tháng			
II. DỰ TOÁN CHI:	1.502.892.000	100	
2.1 Hoạt động 1: Chi thù lao hoạt động giảng dạy (75%)	1.127.169.000	75	
- Chi trả thù lao giảng dạy cho 10 môn vận động phối hợp (436.000 đ x 383 hs x 9 tháng x 75%)	1.127.169.000		
2.2 Hoạt động 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí trường tiên tiến (22%)	330.636.240	22	
- Chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giảng dạy (5%)	75.144.600	5	
+ Chi cho công tác quản lý (18 %)	13.526.028		
+ Chi cho bộ phận trực tiếp hỗ trợ giảng dạy (72%)	54.855.558		
+ Chi cho bộ phận gián tiếp (10%)	6.763.014		
- Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên khác (17%)	255.491.640	17	
+ Hỗ trợ điện nước (2.000.000 đ/tháng x 9 tháng)	10.000.000		
+ Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ (2.5000.000 đ x 9 tháng)	10.671.640		
+ Đồ dùng dạy học , đồ chơi (2.000.000 đ x 9 tháng)	10.000.000		
+ In ấn tài liệu (300.000 đ x 9 tháng)	2.700.000		
+ Đào tạo , bồi dưỡng cho CB,GV,nhân viên theo mô hình trường tiên tiến	6.000.000		
+ Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất đáp ứng mô hình trường tiên tiến	17.000.000		
+ Thuê mượn bảo mẫu phục vụ mô hình trường tiên tiến (4.420.000 đ x 9 tháng x 4 người)	159.120.000		
+ Tham quan học tập mô hình trường tiên tiến	40.000.000		
2.3 Hoạt động 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	0	0	
2.4 Hoạt động 4: Chi khác (Kinh phí dự phòng và các khoản phát sinh khác)(3%)	45.086.760	3	

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Diễm

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI
NGUỒN: GIẢNG DẠY MÔN NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG	NĂM HỌC 2021-2022		GHI CHÚ
	Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I. DỰ TOÁN THU: (Số hs x mức thu x số tháng)	206.820.000	100	
- Số học sinh: 383 học sinh			
- Mức thu: 60.000 đ/học sinh/tháng			
II. DỰ TOÁN CHI:	206.820.000	100	
2.1 Hoạt động 1: Chi thù lao hoạt động giảng dạy (75%)	155.115.000	75	
- Chi trả thù lao giảng dạy cho môn năng khiếu (60.000 đ x 383hs x 9 tháng x 75%)	155.115.000		
2.2 Hoạt động 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí trường tiên tiến (25%)	51.705.000	25	
- Chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giảng dạy (5%)	10.341.000	5	
+ Chi cho công tác quản lý (18 %)	1.861.380		
+ Chi cho bộ phận trực tiếp hỗ trợ giảng dạy (72%)	7.548.930		
+ Chi cho bộ phận gián tiếp (10%)	930.690		
- Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên khác (20%)	41.364.000	20	
+ Hỗ trợ điện nước (500.000 đ/tháng x 9 tháng)	584.000		
+ Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ (500.000 đ x 9 tháng)	0		
+ Đồ dùng dạy học , đồ chơi (500.000 đ x 9 tháng)	0		
+ In ấn tài liệu	0		
+ Đào tạo , bồi dưỡng cho CB, GV, nhân viên theo mô hình trường tiên tiến	0		
+ Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất đáp ứng mô hình trường tiên tiến	1.000.000		
+ Thuê mượn bảo mẫu phục vụ mô hình trường tiên tiến (4.420.000 đ x 9 tháng x 1 người)	39.780.000		
2.3 Hoạt động 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	0	0	
2.4 Hoạt động 4: Chi khác (Kinh phí dự phòng và các khoản phát sinh khác)	0	0	

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Diễm

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI
NGUỒN: CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

NỘI DUNG	NĂM HỌC 2021-2022		GHI CHÚ
	Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I. DỰ TOÁN THU: (Số hs x mức thu x số tháng)	448.110.000	100	
- Số học sinh: 383 học sinh			
- Mức thu: 130.000 đ/học sinh/tháng			
II. DỰ TOÁN CHI:	448.110.000	100	
2.1 Hoạt động 1: Chi thù lao hoạt động giảng dạy (80%)	358.488.000	80	
- Chi trả tiền tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống (130.000 đ x 383 hs x 9 tháng x 80%)	358.488.000		
2.2 Hoạt động 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí trường tiên tiến (20%)	89.622.000	20	
- Chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giảng dạy (5%)	22.405.500	5	
+ Chi cho công tác quản lý (18 %)	4.032.990		
+ Chi cho bộ phận trực tiếp hỗ trợ giảng dạy (72%)	16.131.960		
+ Chi cho bộ phận gián tiếp (10%)	2.240.550		
- Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên khác (15%)	67.216.500	15	
+ Đồ dùng dạy học , đồ chơi (450.000 đ x 9 tháng)	4.294.500		
+ In ấn tài liệu	0		
+ Đào tạo , bồi dưỡng cho CB,GV,nhân viên theo mô hình trường tiên tiến	0		
+ Sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất đáp ứng mô hình trường tiên tiến	23.142.000		
+ Thuê mượn bảo mẫu phục vụ mô hình trường tiên tiến (4.420.000 đ x 9 tháng x 2 người)	39.780.000		
2.3 Hoạt động 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	0	0	
2.4 Hoạt động 4: Chi khác (Kinh phí dự phòng và các khoản phát sinh khác)	0	0	

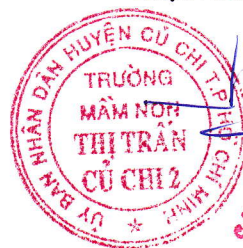
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Diễm

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI
NGUỒN: CƠ SỞ VẬT CHẤT

NỘI DUNG	NĂM HỌC 2021-2022		GHI CHÚ
	Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I. DỰ TOÁN THU: (Số hs x mức thu x số tháng)	662.850.000	100	
- Số học sinh: 383 học sinh			
- Mức thu mầm: 250.000 đ/học sinh/tháng			
- Mức thu chồi: 200.000 đ/học sinh/tháng			
- Mức thu lá: 150.000 đ/học sinh/tháng			
II. DỰ TOÁN CHI:	662.850.000	100	
2.1 Hoạt động 1: Chi thù lao giảng dạy	0	0	
2.2 Hoạt động 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí trường tiên tiến	0	0	
- Chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giảng dạy	0	0	
- Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên khác (Hỗ trợ điện nước, vật tư văn phòng, đồ dùng dạy học, đồ dùng đồ chơi, đồ dùng chuyên môn, tài liệu in ấn, đào tạo bồi dưỡng, sửa chữa nhỏ CSVC...)	0	0	
2.3 Hoạt động 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất	662.850.000	100	
2.4 Hoạt động 4: Chi khác (Kinh phí dự phòng và các khoản phát sinh khác)	0	0	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diễm